

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2019

V/v “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Bá Xanh

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Phước Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú: Xóm 6, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Thái Hữu Đ, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm 5, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ cư trú hiện tại: 103-26 Ongjeong-ro, Tongjin-eup, Gimpo-si, Gyeonggi-do (Hàn Quốc), vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Thái Hữu Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 08/03/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận được một

thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Sau đó, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Đến ngày 20/7/2017, chị sang Hàn Quốc để đoàn tụ vợ chồng với anh Đ nhưng hai bên không liên lạc được với nhau nên đến ngày 30.6.2018 chị về Việt Nam. Từ đó cho đến nay vợ chồng ít liên lạc nên tình cảm ngày càng phai nhạt, anh Đ ở lại Hàn Quốc không về Việt Nam để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Hiện tại, chị Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái Hữu Đ.

Về con chung: Chị và Anh Thái Hữu Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Thái Hữu Đ không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thái Hữu Đ đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Anh đã được chị N thông báo về việc chị nộp đơn ly hôn với anh tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Do đó, anh Thái Hữu Đ đã gửi các tài liệu và bản tự khai (được hợp pháp hóa lãnh sự, có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc ngày 24/12/2018) đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trình bày: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Nguyễn Thị N trình bày. Vào ngày 08/3/2016, anh và chị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn anh và chị N chung sống với nhau một thời gian ngắn. Đến ngày 28/4/2016, anh đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc. Từ đó đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ít liên lạc với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần và không còn quan tâm đến nhau nữa, nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị Nguyễn Thị N làm đơn xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại anh đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn với chị N nên trong bản tự khai, anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt anh. Đồng thời anh Đ đề nghị Tòa án gửi các văn bản của Tòa án đến mẹ của anh là bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960, địa chỉ: Xóm 5, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và bà Th sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án Ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N hiện cư trú tại tỉnh Nghệ An khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái Hữu Đ hiện đang cư trú tại Hàn Quốc, trước xuất cảnh, anh Đ có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì anh Thái Hữu Đ không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và yêu cầu không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Thái Hữu Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Đ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về bản tự khai và các tài liệu do anh Đ cung cấp cho Tòa án. Tại Phiên tòa chị Nguyễn Thị N đã được đọc bản tự khai của anh Đ gửi từ Hàn Quốc về cho Tòa án (được hợp pháp hóa lãnh sự, có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc ngày 24/12/2018). Chị N thừa nhận bản tự khai đúng chữ viết, chữ ký của anh Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Thái Hữu Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Thái Hữu Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 08/03/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Đến ngày 28/4/2016, thì anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Năm 2017, chị N sang Hàn Quốc để đoàn tụ vợ chồng nhưng hai bên không liên lạc được với nhau, ngày 30.6.2018 chị N về Việt Nam. Từ đó đến nay vợ chồng ít liên lạc nên tình cảm ngày càng phai nhạt, anh Đ ở lại Hàn Quốc không về Việt Nam để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Hiện tại, chị Nguyễn Thị N và anh Thái Hữu Đ thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Thái Hữu Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Thái Hữu Đ không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Thái Hữu Đ không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 37, Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Thái Hữu Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Thái Hữu Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Thái Hữu Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000928 ngày 20/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Thái Hữu Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Hưng Chính, thành phố Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lê Văn Quỳnh